

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2026/HS-ST
Ngày: 30-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Xuân Tạo;

2/ Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 18, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 169/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1999, tại thành phố Cần Thơ; HKTT: QL2, xã TQ, huyện VT, thành phố Cần Thơ (nay là ấp QL2, xã TQ, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Bùi Thị K, sinh năm 1968 (đã chết); bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú trong trường hợp truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đoàn Đình M – Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn DDM và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1990; HKTT: Ấp QL2, xã TQ, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 3A, phường TH, thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm 1993; HKTT: Ấp QL5, xã TQ, thành phố Cần Thơ. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị N, sinh năm 1959; HKTT: Ấp QL2, xã TQ, thành phố Cần Thơ. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H và bà Nguyễn Thị Đ là hàng xóm của nhau cùng trú tại xã TQ, huyện VT, tỉnh Cà Mau (nay là xã TQ, thành phố Cần Thơ) nên quen biết nhau. Ngày 03/7/2020, bị cáo H đến nhà trọ của bà Đ ở khu phố 3A, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (nay là Khu phố 3A, phường TH, thành phố Hồ Chí Minh) mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 65L1-298.66 của bà Đ để đi xin việc làm thì bà Đ đồng ý giao xe cho bị cáo H mượn. Sau đó bị cáo H điều khiển xe mô tô đi công việc đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì điều khiển xe về trả lại cho bà Đ.

Ngày 07/7/2020, bị cáo H tiếp tục đến nhà trọ của bà Đ tại khu phố 3A, phường TH, thành phố Hồ Chí Minh để mượn xe mô tô biển số 65L1-298.66 của bà Đ để đi về tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) lấy giấy tờ làm hồ sơ xin việc làm và hứa đi trong ngày sẽ điều khiển xe về trả. Bà Đ đồng ý cho bị cáo H mượn xe, đồng thời giao xe và giấy tờ xe cho bị cáo H. Sau đó bị cáo H điều khiển xe đến một nhà trọ (không nhớ tên và không nhớ vị trí) tại Khu Công nghiệp TĐ, tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) để thăm gặp bạn gái tên H2 (bị cáo H và H2 quen nhau trên mạng xã hội và phát sinh tình cảm). Thấy H2 bị bệnh, không có tiền đi khám bệnh nên bị cáo H đã mang xe mô tô biển số 65L1-298.66 mà bị cáo H mượn của bà Đ để đi cầm cố được số tiền 16.000.000 đồng. Bị cáo H đưa hết số tiền này cho H2. Sau khi cầm xe, bị cáo H đã nhắn tin cho bà Đ với nội dung xe bị chủ nợ dưới tỉnh Long An giữ và nhờ bà Đ vay giúp 20.000.000 đồng để trả nợ rồi lấy xe về trả cho bà Đ. Bà Đ không đồng ý nên bị cáo H đã cắt liên lạc với bà Đ. Bà Đ gọi điện thoại cho bị cáo H nhiều lần nhưng không được nên đến ngày 23/7/2020 bà Đ làm đơn tố giác hành vi của bị cáo H đến Cơ quan Công an phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường Thới Hòa, thành phố Hồ Chí Minh). Sau đó vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 27/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương yêu cầu định giá tài sản số 179/YC gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát định giá 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 65L1-298.66. Theo Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 21/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của thị xã Bến

Cát, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 65L1-298.66 trị giá 25.430.000 đồng.

Ngày 13/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định khởi tố vụ án số 67/QĐ-CQCSĐT-ĐTTH ngày 13/3/2024 và Quyết định khởi tố bị can số 117/QĐ-CQĐT-ĐTTH đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H.

Ngày 13/7/2024, bị cáo Hường bị truy nã theo Quyết định truy nã số 2157/QĐTN-CQĐT-ĐTTH ngày 13/7/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17/8/2025, bị cáo H đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh và bị tạm giữ tạm giam cho đến nay.

Quá trình điều tra, bị cáo không nhớ địa điểm cầm đồ tại khu vực chợ Đất Đỏ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (cũ) nên vật chứng không thu giữ được.

Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 03/7/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 (chị gái của H) đã bồi thường đủ số tiền này cho bà Đ thông qua mẹ ruột bà Đ là bà Lê Thị N. Bà H1 không có yêu cầu gì với số tiền đã bồi thường cho Đ thay H.

Đối với tiệm cầm đồ, do thời gian xảy ra vụ án đã lâu nên bị cáo không nhớ được địa chỉ của tiệm cầm đồ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh tại khu vực chợ ĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An (cũ) nhưng không có tiệm cầm đồ nào tại khu vực trên.

* Tại Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 11/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền bồi thường 40.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Tuyết H1 (chị gái của bị cáo H) đã bồi thường cho bà Diệp thay bị cáo. Bà H1 không có yêu cầu gì với số tiền đã bồi thường cho bà Đ thay bị cáo và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 11/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 đã truy tố và không tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận cho rằng: Đồng ý với tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt của Đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc vì: Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tiết

giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật; bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo còn trẻ nên cần được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

Viện kiểm sát tranh luận cho rằng: Người bào chữa đề nghị áp dụng Điều khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp vì bị cáo bỏ trốn và bị truy nã nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục ý thức bị cáo để bị cáo nhận thức và sửa chữa lỗi lầm. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

** Theo đơn xin xét xử vắng mặt bị hại (bà Đ) trình bày:* Bà Đ và bị cáo có mối quan hệ quen biết. Ngày 07/07/2020, tại khu phố 3A, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (nay là phường TH, thành phố Hồ Chí Minh) bị cáo H có mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 65L1-298.66 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 65L1-298.66 của bà để đi về nhà ba ruột ở tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) để lấy giấy tờ nhằm đi xin việc làm. Bà đồng ý giao giấy chứng nhận đăng ký xe và xe mô tô biển số 65L1-298.66 cho H sử dụng. Đến ngày 08/07/2020, bà nhận được tin nhắn của H với nội dung "H gặp chủ nợ dưới tỉnh Long An, chủ nợ đã giữ xe mô tô biển số 65L1-298.66 lại, bị cáo H nhờ bà vay giúp H 20.000.000 đồng để bị cáo trả cho chủ nợ rồi chủ nợ mới trả xe cho H đi về", bà nhắn tin lại cho bị cáo là bà không có tiền. Sau đó bị cáo không có phản hồi. Bà có gọi điện thoại cho bị cáo nhiều lần nhưng không liên lạc được với bị cáo. Đến ngày 23/07/2020, bà đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc trên. Đến khoảng tháng 08/2020 thì bị cáo có điện thoại cho bà Đ nói "H đã làm mất xe mô tô biển số 65L1-298.66 của bà, bị cáo xin bà để bị cáo đền bù tiền cho bà mua xe mới với hình thức góp theo tháng" thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu bị cáo H về gặp bà để giải quyết nhưng bị cáo không gặp. Sau đó, bị cáo đã tắt máy và bà không liên lạc được với H. Đến ngày 30/05/2023, bị cáo có về nhà tại ấp QL2, xã TQ, thành phố Cần Thơ. Lúc này, mẹ ruột của bà là bà Lê Thị N đã gặp được bị cáo. Lúc này, bị cáo thừa nhận việc đã cầm cố xe mô tô biển số 65L1-298.66 của bà để lấy tiền sử dụng cá nhân. Bị cáo hứa sẽ khắc phục và đền bù cho bà. Bà N có điện thoại trao đổi với bà, bà và bà Nương thống nhất yêu cầu bị cáo khắc phục hậu quả và bồi thường cho bà số tiền 40.000.000 đồng, tháng đầu bị cáo phải đưa cho bà (thông qua mẹ bà là bà Lê Thị N) số tiền 5.000.000 đồng, những tháng tiếp theo mỗi tháng bị cáo phải trả cho bà số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi đủ số tiền 40.000.000 đồng. Chị ruột của bị cáo là bà Nguyễn Thị Tuyết H1 có đứng ra bồi thường nhiều lần thay cho bị cáo H và người nhận tiền là mẹ ruột của bà, đến ngày 03/7/2024 bà H1 mới bồi thường thay bị cáo đủ tổng số tiền 40.000.000 đồng. Bị hại đã được bị cáo bồi thường,

khắc phục hậu quả số tiền 40.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu gì thêm trong vụ án. Về hình phạt bà đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

** Theo đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Nương) trình bày:* Bà đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của bà trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Theo đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà H1) trình bày:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 là chị gái của bị cáo H. Bà đã đứng ra bồi thường cho bị hại nhiều lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng thay bị cáo. Bà H1 không có yêu cầu gì bị cáo hoàn trả số tiền trên. Bà đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của bà trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của người bào chữa Đoàn Đình M:* Ông M đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Ông M đồng ý việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Về hình phạt, ông M cho rằng Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Ông M cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Hơn nữa, bị cáo còn trẻ nên cần được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, ông M đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Người bào chữa đề nghị áp dụng Điều khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp vì bị cáo bỏ trốn và bị truy nã nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục ý thức tuân theo pháp luật của bị cáo, đồng thời để bị cáo nhận thức và sửa chữa lỗi lầm của mình. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 07/7/2020, tại khu phố 3A, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (nay là phường TH, thành phố Hồ Chí Minh) bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị Đ để mượn xe mô tô biển số 65L1-298.66 trị giá 25.430.000 đồng của Nguyễn Thị Đ đi xin việc làm, hẹn trong ngày sẽ trả lại xe. Sau khi được bà Đ giao xe và giấy tờ xe, bị cáo H đã mang xe đi cầm cố lấy số tiền 16.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân, cắt mọi liên lạc với bà Đ rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H thực hiện là ít nghiêm trọng do có mức cao nhất khung hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, về nhận thức bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều này cho thấy bị cáo coi thường pháp luật. Chỉ do động cơ vụ lợi, sử dụng vào nhu mục đích cá nhân nhưng lười lao động, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Để góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, giữ gìn nếp sống văn minh của địa phương, Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có trình độ học vấn thấp. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

[7] Bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về xử lý vật chứng: Không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Trách nhiệm dân sự:

[9.1] Bị hại đã được bồi thường tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9.2] Đối với số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả 40.000.000 đồng mà chị ruột bị cáo là bà Nguyễn Thị Tuyết H1 đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại. Bà H1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt đề nghị là nghiêm khắc. Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[11] Xét ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là chưa phù hợp vì trong vụ án bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục việc tuân theo pháp luật của bị cáo đồng thời để bị cáo nhận thức hành vi phạm tội và sửa chữa lỗi lầm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[12] Án phí hình sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/01/2026).

+ Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS Khu vực 18, TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV 06 CA TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Phòng PC 10 CA TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam số 2 – CA TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Quang Bảo